

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-11-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

bà Lại Thị Thúy Hằng

bà Phạm Ngọc Nhung

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 297/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lăng Thị B, sinh năm: 1993; nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: số 228, tổ 3, ấp 2, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* anh Vi Văn T, sinh năm: 1995; nghề nghiệp: lao động tự do; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: số 224, tổ 3, ấp 2, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. *Người làm chứng:* ông Vi Văn T1, sinh năm: 1958; địa chỉ: số 224, tổ 3, ấp 2, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Lăng Thị B trình bày: do ở gần nhà nhau nên chị và anh T quen biết nhau từ lúc nhỏ; đến năm 2016, hai người nảy sinh tình cảm nên đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ sống tại Quận A, TP. B để đi làm việc; do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và chỉ sống chung với nhau khoảng 2 tháng thì ly thân đến nay. Sau khi ly thân, giữa chị và anh T thỉnh thoảng có nhắn tin qua lại nhưng không thể quay lại chung sống. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, thời gian ly thân đã lâu nên chị yêu

cầu được ly hôn anh T. Vợ chồng mới chung sống với nhau thời gian ngắn nên không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

* Theo bản ghi ý kiến ngày 31/10/2019 do bị đơn là anh Vi Văn T gửi cho Tòa án qua đường bưu điện (Tòa án nhận ngày 04/11/2019) thể hiện: anh đồng ý ly hôn chị B. Tuy nhiên, hiện anh đang đi làm xa nên không thể về Tòa án để làm việc khi Tòa án triệu tập và đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2019 của người làm chứng là ông Vi Văn T1 thể hiện: ông là cha ruột của anh Vi Văn T; chị Lăng Thị B là vợ anh T, hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S và có tổ chức lễ cưới theo phong tục; đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Tại thời điểm kết hôn, anh T cũng muốn có thêm thời gian tìm hiểu nhau nhưng chị B lại thuyết phục cưới ngay. Ngay sau khi tổ chức xong lễ cưới, chị B không ở nhà mà đi luôn đến công ty ở thành phố B để làm việc, tới dịp Tết Nguyên đán 2017 chị B mới về nhà cha mẹ đẻ nhưng lại không hề ghé qua thăm nhà cha mẹ chồng; vợ chồng ông có qua nhà cha mẹ chị B để xin đón chị B về nhà ăn Tết nhưng không biết giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn gì mà gia đình chị B trả lời rằng chị B có lấy anh T nữa đâu mà đón về. Giữa chị B và anh T không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung. Khi nhận được các văn bản của Tòa án gửi đến, ông đều gọi điện thoại thông báo nội dung cho anh T biết vì hiện tại anh T đang làm việc tại NT. Theo ông thì chị B và anh T không thể hàn gắn tình cảm.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; cả hai đương sự vắng tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt cả hai đương sự là phù hợp. Về áp dụng pháp luật đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho chị B được ly hôn anh T; về con chung, về tài sản chung và nợ chung: đương sự xác định không có và không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: chị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Lăng Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Vi Văn T nên xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị B là nguyên đơn, anh T là bị đơn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng cả hai đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Lăng Thị B và anh Vi Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 29/6/2016, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị B nhận thấy: chị B cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và chỉ sống chung với nhau khoảng 2 tháng thì ly thân đến nay. Tại bản ghi ý kiến mà anh T gửi cho Tòa án không nêu mâu thuẫn vợ chồng và lý do của việc đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B; tuy nhiên, anh T cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn. Mặt khác, theo thông tin mà ông Vi Văn T1 (cha ruột của anh T) cung cấp thì sau khi kết hôn không bao lâu chị B và anh T đã sống ly thân đến nay, nguyên nhân cụ thể thì ông không rõ nhưng giữa chị B và anh T chưa có con chung. Từ những căn cứ nêu trên nhận thấy: mâu thuẫn giữa hai đương sự trầm trọng tới mức đời sống chung không còn tồn tại trên thực tế kể từ sau khi hai người kết hôn không bao lâu, cả hai đều mong muốn ly hôn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[3] Về con chung: đương sự khai không có và không yêu cầu gì, nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Lăng Thị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; Điều 56 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lăng Thị B được ly hôn anh Vi Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

3. Về án phí: chị Lăng Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị B đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002000 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị B đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(*đã ký tên và đóng dấu*)

Hà Thế Nam